Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi Giá trị tài sản ròng
Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Issued in association with Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Minister of Finance)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

1. **Công ty Quản lý quỹ:** **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt**
   Fund Management Company: Bao Viet Fund Management Limited Company
2. **Ngân hàng giám sát:** **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành**
   Supervisory Bank: Bank for Investment and Development of Vietnam - Hathanh branch
3. **Tên Quỹ:** **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TRIỂN VỌNG BẢO VIỆT**
   Fund name: Bao Viet Prospect Equity Open-Ended
4. **Kỳ báo cáo:** **Từ ngày 21/04/2026 đến ngày 27/04/2026**
   Reporting period: From 21/04/2026 to 27/04/2026
5. **Ngày lập báo cáo:** **28/04/2026**
   Reporting date: 28/04/2026

Đơn vị tính/ Currency: VND

STT No.	Chỉ tiêu Criteria	Mã số Code	Kỳ báo cáo This period 27/04/2026	Kỳ trước Last period 20/04/2026
I	**Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value**			
1	**Giá trị đầu kỳ/ Net Asset Value at the beginning of period**			
1.1	của Quỹ/ per Fund		194,615,452,447	192,152,357,491
1.2	của một lô Chứng chỉ quỹ ETF (không áp dụng)/ per lot of Fund Certificate ETF (not			
1.3	của một Chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate		23,189	22,906
2	**Giá trị cuối kỳ/ Net Asset Value at the end of period**			
2.1	của Quỹ/ per Fund		191,162,414,883	194,615,452,447
2.2	của một lô Chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of Fund Certificate (không áp dụng/ not applicable)			
2.3	**KỲ BÁO B32**		22,793	23,189
3	**Thay đổi Giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó/ Change of Net Asset Value during**		(3,453,037,564)	2,463,094,956
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ		(3,324,912,097)	2,381,124,065
3.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ trong kỳ		(128,125,467)	81,970,891
3.2.1	*Thay đổi GTTSR của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các NĐT trong kỳ*		-	-
3.2.2	*Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ*		*(128,125,467)*	*81,970,891*
4	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ so với kỳ trước**		(396)	283
5	**Giá trị tài sản ròng cao nhất/ thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất**			
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)		205,428,395,764	205,428,395,764
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)		169,636,756,620	167,471,344,676
6	**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ Foreign Investors' ownership ratio**			
6.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates			
6.2	Tổng giá trị/ Total value			
6.3	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio		0.00%	0.00%
II	**Giá trị thị trường (Không áp dụng)/ Market value (not applicable)**			

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Hoàn Kiếm, CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100150619-073
Reason: I am the author of this document
Location:
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Quận Hoàn Kiếm, cn=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100111761-129
Date: 2026.04.28 15:31:11 +07'00'